TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2024
V/v: Ly hôn giữa
chị H, anh Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nơi
2. Ông Tống Xuân Tú

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Trung Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toan - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-ST ngày 09 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị H, sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình
Nơi ở hiện nay: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

*** Bị đơn:** Anh Vũ Quang T, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình
(Chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2015 tại UBND xã B, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau; vợ chồng đã cùng khắc phục nhưng đều không có kết quả. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 03 con chung là Vũ Trần Hải N, sinh ngày

30/12/2015; Vũ Trung K, sinh ngày 21/5/2019, Vũ Diệp C, sinh ngày 28/5/2020; ly hôn tôi xin nhận nuôi con Vũ Trần Hải N và Vũ Diệp C; anh T trực tiếp nuôi con Vũ Trung K, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 26/02/2024, bị đơn anh Vũ Quang T trình bày:

Anh và chị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/4/2015 tại UBND xã B, huyện H, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn gì; anh không biết nguyên nhân tại sao chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2023 đến nay; anh đã nhiều lần tới động viên chị H về nhà để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dậy con cái; anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn; anh đề nghị Tòa án cho anh thêm thời gian để anh động viên chị H.

Về con chung: Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Toà án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Vũ Quang T; về nuôi con chung: Giao con Vũ Trần Hải N, sinh ngày 30/12/2015 và Vũ Diệp C, sinh ngày 28/5/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Vũ Trung K, sinh ngày 21/5/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau; hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh

Vũ Quang T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung". Anh T đăng ký nhân khẩu tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T là đúng với khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 10-4-2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn; anh T đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đến Tòa án để làm việc chứng tỏ anh cũng không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng chị H, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị H, anh T có 03 con chung là Vũ Trần Hải N, sinh ngày 30/12/2015; Vũ Trung K, sinh ngày 21/5/2019, Vũ Diệp C, sinh ngày 28/5/2020; chị H có nguyện vọng nuôi 02 con Vũ Trần Hải N và Vũ Diệp C và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; anh T không có quan điểm về con chung vì anh không muốn ly hôn; qua xác minh tại địa phương thì hiện nay con Vũ Trung K đang sinh sống ổn định cùng anh T và ông bà nội; ông Vũ Xuân T1 (bố đẻ anh T) cũng trình bày là anh T đi làm công ty, sáng đi, tối về; xét nguyện vọng nuôi con của các đương sự là chính đáng, phù hợp pháp luật nên cần giao hai con Vũ Trần Hải N, sinh ngày 30/12/2015 và Vũ Diệp C, sinh ngày 28/5/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Vũ Trung K, sinh ngày 21/5/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở; việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

[5] Về chia tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Vũ Quang T.

2. Về nuôi con chung: Giao con Vũ Trần Hải N, sinh ngày 30/12/2015 và Vũ Diệp C, sinh ngày 28/5/2020 cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Vũ Trung K, sinh ngày 21/5/2019 cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau, hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở; việc thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003630 ngày 20-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (chị H đã nộp đủ tiền án phí).

4. Quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác